

ĐỊNH HƯỚNG VÀ THÁI ĐỘ VỚI NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Bùi Minh Thu

Đỗ Thị Hồng Loan

Trương Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Trang

Phí Thị Thắm

Hà Hải Long

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai,

Bệnh viện Bạch Mai

Tác giả chịu trách nhiệm

Bùi Minh Thu

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai,

Bệnh viện Bạch Mai

Email: minhthu.bmtn@gmail.com

Ngày nhận bài: 03/05/2021

Ngày phản biện: 25/07/2021

Ngày đồng ý đăng: 20/08/2021

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Định hướng và thái độ đúng đắn với nghề nghiệp là một trong những yếu tố then chốt quyết định đến sự thành công của quá trình đào tạo các sinh viên điều dưỡng (SVĐD).

Mục tiêu: Đánh giá định hướng và thái độ với nghề nghiệp của SVĐD và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.

Thiết kế: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 339 SVĐD năm thứ nhất tại Trường Cao đẳng y tế Bạch Mai được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống. Bộ câu hỏi được sử dụng phỏng vấn gồm 3 phần: thông tin cá nhân, bộ câu hỏi định hướng nghề nghiệp của tác giả Vanhanen, bộ câu hỏi về thái độ với nghề nghiệp của tác giả Toth. Các bộ công cụ được chuẩn hóa với Cronbach's alpha trên 0,7. Kiểm định T-test, Anova-test được áp dụng nhằm đánh giá các yếu tố liên quan tới định hướng và thái độ với nghề nghiệp của SV.

Kết quả: Định hướng về chuyên môn được SVĐD đánh giá điểm trung bình cao nhất ($4,23 \pm 0,45$) tuy nhiên định hướng về cuộc sống được đánh giá thấp nhất ($2,54 \pm 0,74$). Thái độ với nghề nghiệp được SVĐD đánh giá cao nhất về sự đồng cảm với người bệnh ($4,24 \pm 0,53$). Kinh nghiệm chăm sóc người bệnh, lý do chọn nghề và chọn trường của SV là các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng và thái độ của SV ($p < 0,05$).

Kết luận: Hầu hết các SV có định hướng và thái độ tích cực với nghề nghiệp. Tăng cường trải nghiệm thực tế và truyền thông các thông tin về nghề nghiệp là những yếu tố liên quan đến định hướng và thái độ của SV.

Từ khóa: định hướng, thái độ, sinh viên điều dưỡng

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng (ĐD) là một nghề quan trọng trong hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần làm giảm những biến chứng của bệnh

tật, giảm tỉ lệ tử vong trong quá trình điều trị và chăm sóc. Công tác đào tạo ĐD ở nước ta đang đứng trước một thách thức lớn, đòi hỏi luôn luôn đổi mới để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe

ngày càng cao của xã hội. Đổi mới trong công tác đào tạo sẽ là nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng đội ngũ ĐD, nâng cao vị thế của ngành và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, tỷ lệ điều dưỡng trung bình trên 10.000 dân nước ta là 11,4, tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ trung bình trên thế giới. Để tiến tới tỷ lệ điều dưỡng đạt chuẩn, đảm bảo đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc y tế của người dân thì nước ta cần thêm lượng điều dưỡng viên gấp 2,3 lần số lượng điều dưỡng viên hiện có. Theo TS. Ki Dong Park – Trưởng đại diện Tổ chức Y tế thế giới tại Việt Nam, nếu không tăng cường đầu tư cho đào tạo Điều dưỡng, đến năm 2030, ngành y tế Việt Nam sẽ đối mặt với tình trạng thiếu khoảng 40 – 50 nghìn nhân lực điều dưỡng. Vì vậy đào tạo điều dưỡng cần được mở rộng hơn về cả số lượng và chất lượng, trong đó định hướng nghề nghiệp trước khi đào tạo là rất quan trọng.

Đổi mới công tác đào tạo không chỉ tập trung vào kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp mà cần phải chú trọng vào định hướng cũng như thái độ với nghề nghiệp của SV. Tại các quốc gia phát triển trên thế giới, giáo dục định hướng nghề nghiệp được coi là điều kiện để nâng cao năng suất lao động. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đã chỉ ra rằng, SV có thái độ tích cực với ngành nghề sẽ nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh [1]. Tuy nhiên, thực tế đã chỉ ra rằng có rất nhiều SV vẫn còn lúng túng trong việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân, chưa định hướng được rõ ràng các đặc tính công việc và có thái độ chưa tích cực với ngành nghề [2]. Chính điều này sẽ gây lãng phí thời gian, tài chính và ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực y tế trong tương lai. Do đó, việc quan tâm đến định hướng và thái độ của SV cũng chính là quan tâm đến chất lượng đào tạo và chất lượng nhân lực trong tương lai.

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai là một môi trường đào tạo ĐD chuyên nghiệp với bề dày

lịch sử. Với sứ mạng đào tạo ra các thế hệ ĐD không những giỏi chuyên môn mà còn giàu ý đức, Nhà trường luôn luôn chú trọng đến công tác định hướng về nghề nghiệp để giúp SV có nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp ĐD. Khi có được định hướng đúng đắn và thái độ tích cực với ngành nghề sẽ là động lực để SV học tập, trau dồi tri thức đồng thời tăng cường được chất lượng nguồn nhân lực cũng như dịch vụ chăm sóc người bệnh. Với mục đích tìm hiểu nhận thức của SV về định hướng và thái độ với ngành nghề, đồng thời tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức cũng như thái độ của SV, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với hai mục tiêu:

– Khảo sát nhận thức của SV về định hướng và thái độ đối với nghề ĐD

– Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến định hướng và thái độ với nghề nghiệp của SV ĐD

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021 tại Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.3 Đối tượng nghiên cứu: SV ĐD chính quy năm thứ nhất đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Nghiên cứu sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ (trường hợp tổng thể nhỏ dưới 10.000)

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu nghiên cứu

e: là sai số ước lượng 5% = 0.05

N: là số lượng tổng thể với tổng số sinh viên điều dưỡng K8 là 636 sinh viên. Như vậy,

N=636. Đưa vào công thức ta tính được cỡ mẫu theo nghiên cứu này là 246 sinh viên. Ước tính số sinh viên không đáp ứng nghiên cứu, chúng tôi thêm 38% vào cỡ mẫu. Như vậy, tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu là 339 sinh viên

2.5. Công cụ nghiên cứu: Bộ công cụ nghiên cứu gồm có 3 phần.:

+ Phần 1: Thông tin chung bao gồm tuổi, giới, khu vực sống, lý do lựa chọn nghề ĐD, nguồn tư vấn và thông tin đăng kí vào trường.

+ Phần 2: Bộ câu hỏi khảo sát định hướng nghề nghiệp của SV về ngành ĐD được xây dựng và chuẩn hóa bởi tác giả Vanhanen và cộng sự [3] bao gồm 17 câu hỏi được chia thành 3 phần: quan tâm về nghề nghiệp; chuyên môn ĐD; định hướng cuộc sống. Bộ câu hỏi theo thang điểm likert từ 1 – 5 (1- hoàn toàn không đồng ý; 2 - cơ bản không đồng ý; 3 - không ý kiến; 4 - đồng ý; 5 - hoàn toàn đồng ý). Tổng điểm bộ câu hỏi càng cao thì SV có định hướng càng tốt đối với ngành nghề. Bộ câu hỏi được thực hiện theo quy trình dịch xuôi và dịch ngược để đảm bảo sự đồng nhất và tương đương về ngữ nghĩa văn hóa Việt Nam. Chỉ số Cronbach's alpha được kiểm tra lần lượt từng phần là 0.82, 0.70 và 0.84.

+ Phần 3: Bộ câu hỏi về thái độ của SV đối với nghề nghiệp được xây dựng và chuẩn hóa bởi tác giả Toth và cộng sự [4] gồm 18 câu hỏi

được chia thành 2 phần: thái độ đối với ngành ĐD; sự bảo hộ và đồng cảm. Các câu hỏi được thiết kế theo thang điểm likert. Tổng điểm bộ câu hỏi càng cao thì SV có thái độ với ngành nghề tốt hơn. Bộ câu hỏi được tiến hành theo quy trình dịch xuôi và dịch ngược để đảm bảo đồng nhất về nội dung với văn hóa Việt Nam. Chỉ số Cronbach's alpha được kiểm tra lần lượt từng phần là 0.93 và 0.82.

2.6. Kỹ thuật thu thập số liệu: Phát vấn trực tuyến trên nền tảng Google Form. Bộ câu hỏi được giảng viên phổ biến tại các lớp, giải thích cho sinh viên rõ ràng về mục tiêu nghiên cứu và quyền tham gia để sinh viên tự trả lời trong thời gian thích hợp.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được xuất ra trên Excel và phân tích dựa vào phần mềm R. Thống kê mô tả, kiểm định T-test, ANOVA test được sử dụng để so sánh sự khác biệt. Giá trị $p \leq 0,05$ được sử dụng để xác định ngưỡng ý nghĩa thống kê.

2.8. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng Khoa học trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai phê duyệt và thông báo tổ chức thực hiện trên trang web của Nhà trường. SV được giải thích rõ ràng về mục tiêu nghiên cứu, tự nguyện tham gia vào nghiên cứu và có quyền từ chối hoặc ngừng tham gia nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin của đối tượng		n (N=339)	%
Giới tính	Nam	40	11,98
	Nữ	294	88,02
Khu vực sống	Thành thị	134	40,12
	Nông thôn	200	59,88

Kinh nghiệm chăm sóc người bệnh	Có	216	64,67
	Không	118	35,33
Lý do chọn trường	Có chương trình đào tạo tốt	249	74,55
	Có người giới thiệu	48	14,37
	Thấy qua các kênh truyền thông	4	1,20
	Lý do khác	33	9,88
ĐD là sự lựa chọn đầu tiên của bạn	Có	250	74,85
	Không	84	25,15
Người tư vấn lựa chọn nghề	Tự bản thân	139	41,61
	Gia đình	175	52,40
	Thầy cô	6	1,80
	Bạn bè	14	4,19
Kênh tìm hiểu thông tin nghề	Báo chí, tivi	32	9,38
	Facebook	27	8,09
	Website của trường	94	28,14
	Qua người thân, thầy cô, bạn bè	181	54,19
Gia đình có người làm trong ngành y	Có	182	54,49
	Không	152	45,51
Lý do lựa chọn nghề ĐD	Yêu thích, đam mê với nghề	235	70,36
	Mong muốn của bố mẹ	18	5,39
	Có người thân trong ngành y tư vấn	42	12,57
	Dễ tìm việc	32	9,58
	Tư vấn của giáo viên	2	5,60
	Không đủ điểm để có sự lựa chọn khác	5	1,50

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

Nhận xét: Hầu hết các đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là nữ giới (Chiếm 88,2%). Khoảng 65% đối tượng nghiên cứu có kinh nghiệm chăm sóc người bị bệnh. Phần lớn các SV lựa chọn vào ngành ĐD là lựa chọn đầu tiên (Chiếm 74,85%) và khoảng 70% SV ĐD lựa chọn nghề vì yêu thích và đam mê với nghề. Tuy nhiên, khoảng 52% SV có nghe theo lời khuyên của gia đình về lựa chọn về nghề nghiệp.

3.2. Định hướng nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu

Định hướng với nghề nghiệp	Trung bình ± SD
Thang đo mức độ quan tâm tới nghề nghiệp	4,21 ± 0,50
Thang đo định hướng chuyên môn ĐD	4,23 ± 0,45
Thang đo định hướng cuộc sống	2,54 ± 0,74
Tổng	3,72 ± 0,39

Bảng 3.2. Định hướng nghề nghiệp

Nhận xét: Qua bảng 3.2 cho thấy, định hướng về chuyên môn ĐD có điểm trung bình cao nhất ($4,23 \pm 0,45$), cho thấy SV có định hướng tốt với cơ hội và sự phát triển của nghề nghiệp. Ngoài ra, SV cũng có được những đánh giá tích cực đến những đặc điểm của nghề nghiệp ($4,21 \pm 0,50$). Tuy nhiên, điểm về định hướng trong cuộc sống được đánh giá thấp nhất ($2,54 \pm 0,74$).

3.3. Thái độ nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu

Thái độ với nghề nghiệp	Trung bình $\pm$ SD
Thang đo về thái độ với ngành ĐD	$4,13 \pm 0,40$
Thang đo sự bảo hộ và đồng cảm	$4,24 \pm 0,53$
Tổng	$4,16 \pm 0,40$

Bảng 3.3. Thái độ nghề nghiệp

Nhận xét: Qua bảng 3.3 cho thấy, phần lớn SV có thái độ tích cực đối với nghề nghiệp ($4,16 \pm 0,40$). Trong đó, thái độ về sự bảo hộ và đồng cảm với người bệnh được SV đánh giá điểm cao nhất ($4,24 \pm 0,53$).

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng và thái độ với nghề nghiệp

Các yếu tố ảnh hưởng		Định hướng nghề nghiệp		Thái độ nghề nghiệp	
		ĐTB $\pm$ DLC	p	ĐTB $\pm$ DLC	p
Kinh nghiệm chăm sóc người bệnh	Có Không	$3,76 \pm 0,39$ $3,65 \pm 0,38$	0,01	$4,21 \pm 0,36$ $4,05 \pm 0,43$	0,001
Lý do chọn trường	Có chương trình đào tạo tốt Có người giới thiệu Thấy qua các kênh truyền thông Lý do khác	$3,79 \pm 0,38$ $3,58 \pm 0,39$ $3,59 \pm 0,37$ $3,41 \pm 0,31$	< 0,001	$4,19 \pm 0,37$ $4,03 \pm 0,52$ $4,29 \pm 0,26$ $4,00 \pm 0,31$	0,003
ĐD là sự lựa chọn đầu tiên của bạn	Có Không	$3,76 \pm 0,40$ $3,62 \pm 0,36$	0,004	$4,17 \pm 0,40$ $4,14 \pm 0,38$	0,53
Kênh tìm hiểu thông tin nghề	Báo chí, tivi Facebook Website của trường Qua người thân/thầy cô/bạn bè	$3,59 \pm 0,36$ $3,93 \pm 0,45$ $3,78 \pm 0,45$ $3,68 \pm 0,35$	0,98	$4,24 \pm 0,42$ $4,18 \pm 0,36$ $4,23 \pm 0,36$ $4,10 \pm 0,41$	0,03

Các yếu tố ảnh hưởng		Định hướng nghề nghiệp		Thái độ nghề nghiệp	
		ĐTB $\pm$ ĐLC	p	ĐTB $\pm$ ĐLC	p
Lý do lựa chọn nghề ĐD	Yêu thích, đam mê với nghề	3,75 $\pm$ 0,40	0,01	4,18 $\pm$ 0,40	0,26
	Mong muốn của bố mẹ	3,76 $\pm$ 0,43		0,47 $\pm$ 0,37	
	Có người thân trong ngành	3,67 $\pm$ 0,34		4,15 $\pm$ 0,42	
	Lý do khác	3,60 $\pm$ 0,35		4,08 $\pm$ 0,36	

Bảng 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng và thái độ với nghề nghiệp

Nhận xét: Qua bảng 3.4 cho thấy, kinh nghiệm chăm sóc người bệnh, lý do lựa chọn nghề ĐD và lựa chọn nghề ĐD là nguyện vọng đầu tiên có ảnh hưởng đến định hướng về nghề nghiệp của SV ($p < 0,05$). Ngoài ra, kinh nghiệm chăm sóc người bệnh, lý do chọn trường và các kênh tìm hiểu thông tin nghề có ảnh hưởng đến thái độ về nghề nghiệp của SV ($p < 0,05$).

4. Bàn luận

4.1. Định hướng về nghề nghiệp của SVĐD

Nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy rằng hầu hết các SVĐD năm thứ nhất có định hướng khá tốt về nghề nghiệp (3,72 $\pm$ 0,39). Đặc biệt, SV đã có những định hướng tốt về chuyên môn nghề nghiệp như cơ hội phát triển và thăng tiến trong tương lai, đồng thời hiểu được đặc điểm của ngành nghề về sự thấu hiểu người bệnh. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với tác giả Boogaarda và cộng sự (2019) cũng đã chỉ ra rằng SVĐD năm thứ nhất có định hướng về chuyên môn ĐD tốt nhất [5]. Như vậy, các SV khi lựa chọn nghề ĐD đã xác định được nghề ĐD gắn liền với chăm sóc người bệnh và chính sự tận tâm khi giúp đỡ người bệnh sẽ đem lại cuộc sống ý nghĩa đồng thời tạo cơ hội để phát triển bản thân.

Lựa chọn nghề nghiệp phù hợp là một phần tất yếu của cuộc sống. Đặc tính của công

việc có phù hợp với sự phát triển và duy trì cuộc sống là một yếu tố quan trọng mà SV cần phải định hướng trước khi lựa chọn ngành nghề. SV khi lựa chọn ngành nghề cần cân nhắc giữa các mối quan hệ cá nhân, nơi cư trú hoặc tình hình tài chính để đảm bảo sau khi ra trường và hành nghề sẽ có một cuộc sống ổn định, đảm bảo tài chính, sum họp gia đình [3]. Chính vì vậy, để đảm bảo SV sẽ lựa chọn và tiếp tục theo đuổi ngành nghề thì phải có định hướng rõ ràng về cuộc sống. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra rằng thang đo định hướng cuộc sống được SV đánh giá điểm thấp nhất (2,54 $\pm$ 0,74). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với tác giả Boogaarda và cộng sự (2019) đã cho thấy thang đo định hướng của cuộc sống có điểm trung bình thấp hơn các thang đo còn lại [5]. Như vậy, SVĐD chưa có định hướng tốt về sự ảnh hưởng của nghề nghiệp trong cuộc sống. Nghiên cứu của tác giả Yvonne ten Hoeve cũng cho thấy rằng các SVĐD còn rất trẻ và thiếu sự trải nghiệm thực tế liên quan đến ngành nghề, do đó chưa hình dung ra công việc thực tế khi hành nghề, do đó, chưa trải qua việc phải cân bằng giữa học nghề ĐD và cuộc sống [6].

4.2. Thái độ về nghề nghiệp của SV ĐD

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy hầu hết SVĐD có thái độ tích cực với nghề nghiệp với điểm số trung bình tương đối cao

$4,16 \pm 0,40$. Trong đó, thái độ của SV về sự bảo hộ và đồng cảm với người bệnh được đánh giá điểm trung bình cao hơn thang đo khác ($4,24 \pm 0,53$). Hầu hết các SV hiểu được vai trò và trách nhiệm của nghề ĐD trong chăm sóc và phục vụ người bệnh, đồng thời sự tận tâm, giàu lòng nhân ái, đồng cảm với người bệnh, thái độ coi trọng nghề nghiệp, ý thức luôn luôn nâng cao chất lượng nghề nghiệp sẽ phản ánh được giá trị đích thực của nghề ĐD. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với các tác giả trước đã chỉ ra SV có thái độ tích cực với sự bảo hộ và đồng cảm trong quá trình chăm sóc người bệnh [5].

Về thái độ với ngành ĐD, SV trong nghiên cứu của chúng tôi cũng có thái độ tích cực ($4,13 \pm 0,40$). Tuy nhiên, hai tiêu chí trong thang đo thái độ với ngành ĐD được đánh giá thấp nhất là ĐD viên có khả năng hành nghề độc lập ($3,55 \pm 0,95$) và dịch vụ của ĐD cung cấp cũng quan trọng như dịch vụ của bác sĩ ($3,97 \pm 0,82$). Kết quả phản hồi của SV về hai tiêu chí này thấp hơn so với các nghiên cứu khác [5], [6]. Điều này cho thấy SVĐD năm thứ nhất chưa hiểu rõ được bản chất công việc của ngành ĐD so với SV nước ngoài. Nguyên nhân có thể do ngành ĐD tại Việt Nam vẫn chưa được xã hội nhìn nhận đúng vị trí mà ngành được hưởng như nhiều nước khác trên thế giới, mặc dù có vai trò quan trọng và sự đóng góp to lớn vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Do đó, thái độ của SV về vị trí ngành ĐD thấp hơn SV các nước khác trên thế giới.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng và thái độ với nghề nghiệp của SVĐD

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng các SV đã từng có kinh nghiệm chăm sóc người bệnh thì định hướng và thái độ với nghề nghiệp cao hơn so với các SV chưa trải qua chăm sóc ($p < 0,05$). Như vậy, kinh nghiệm chăm sóc người bệnh là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cả định hướng và thái độ với nghề nghiệp của SV. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương

đồng với các tác giả trước đã chỉ ra rằng kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe trong quá khứ là một trong các yếu tố thúc đẩy lựa chọn nghề ĐD [7], [8]. Khi được chăm sóc một người thân trong gia đình hoặc bản thân mình bị ốm hoặc nhập viện là một trải nghiệm hết sức quan trọng của SV. Từ những kinh nghiệm thực tế của bản thân, SV có thể đồng cảm và thấu hiểu hơn tâm lý của người bệnh hoặc người nhà người bệnh. Ngoài ra, SV cũng hiểu hơn về vai trò quan trọng của chăm sóc người bệnh. Do vậy, SV có định hướng về công việc và thái độ tích cực hơn về nghề nghiệp trong tương lai.

Theo nền giáo dục của Việt Nam, sau khi tốt nghiệp THPT, tùy thuộc vào số lượng, sở thích, năng lực của các thí sinh có thể lựa chọn các nguyện vọng vào các trường khác nhau. Trong đó, nguyện vọng thứ nhất là sự lựa chọn đầu tiên và cao nhất của thí sinh. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, với các SV lựa chọn ĐD là nguyện vọng thứ nhất và các SV lựa chọn ngành học theo ý kiến cá nhân có định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp. Kết quả của chúng tôi tương đồng với các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng SV lựa chọn ĐD là sự lựa chọn đầu tiên sẽ có xu hướng cố gắng, phấn đấu trong học tập để hoàn thành chương trình học và theo đuổi ngành nghề [9], [10]. Trước khi lựa chọn ngành nghề để theo học, nếu như tự bản thân SV tìm hiểu về các đặc tính, thực trạng công việc của ngành nghề kết hợp với việc cân nhắc sở thích của cá nhân thì sẽ tự đưa ra lựa chọn muốn được học tập đào sâu kiến thức về ngành nghề. Ngoài ra, SV có sự lựa chọn nghề nghiệp từ sự tìm hiểu và quyết định của bản thân sẽ có động lực để theo đuổi ngành nghề đã lựa chọn. Do đó, các SV này sẽ có định hướng về nghề nghiệp rõ ràng và tích cực hơn so với các SV khác.

Như vậy, tự đưa ra quyết định lựa chọn ngành nghề là một yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của SV. Tuy nhiên, để tự đưa ra được quyết định của bản thân, SV phải

dành nhiều thời gian để tự tìm kiếm các thông tin về ngành nghề. Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy các SV tìm hiểu thông tin ngành ĐD qua báo chí có thái độ tốt hơn khi tìm hiểu qua các kênh khác ($4,24 \pm 0,42$). Phần lớn SV tìm hiểu thông tin qua người thân, bạn bè tuy nhiên thái độ về nghề nghiệp của các SV này lại thấp hơn khi SV tìm hiểu thông tin qua các phương tiện truyền thông như báo chí, tivi, hoặc website của Nhà trường. Khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Nguyên nhân có thể do việc tiếp cận ngành nghề qua trải nghiệm của các cá nhân riêng lẻ như bạn bè và người thân...có thể bị ảnh hưởng bởi quan điểm cá nhân. Nếu như SV không có cái nhìn tổng quát về ngành nghề, tìm hiểu thêm các kênh thông tin và nguồn ý kiến khách quan khác để cân nhắc, lựa chọn thì rất dễ có thái độ chưa tích cực về ngành nghề. Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy hơn 50% SV tìm hiểu thông tin về ngành nghề qua bạn bè, người thân...trong khi số lượng tìm hiểu thông tin ngành nghề qua các phương tiện website Nhà trường chỉ có khoảng 28 %, khoảng 9% SV tìm hiểu thông tin qua báo chí, tivi. Như vậy, nguồn tìm hiểu thông tin có ảnh hưởng đến thái độ với nghề nghiệp của SV. Do đó, cần tăng cường truyền thông các thông tin liên quan đến ngành nghề qua các website cũng như báo đài, tivi.

5. Kết luận

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy phần lớn SV năm thứ nhất đều có định hướng và thái độ tích cực đối với nghề nghiệp. Kinh nghiệm chăm sóc người bị bệnh là yếu tố liên quan đến định hướng và thái độ đối với nghề nghiệp. Với các SV lựa chọn ngành ĐD là nguyện vọng đầu tiên và tự quyết định theo học ngành ĐD có ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp. Ngoài ra, nguồn thông tin tìm hiểu nghề ĐD có liên quan đến thái độ với nghề nghiệp của SV.

6. Khuyến nghị

Trải nghiệm thực tế về nghề ĐD là cần thiết

để nâng cao định hướng và thái độ của SV. Do đó, chương trình đào tạo của Nhà trường cần hướng đến mục tiêu cho SV tiếp cận lâm sàng càng sớm càng tốt theo các mức độ khác nhau, nhằm giúp SV có được trải nghiệm thực tế và hiểu hơn về công việc của tương lai. Bên cạnh đó, tăng cường truyền thông qua các nguồn thông tin chính thống như báo chí, tivi, website về các đặc tính nghề nghiệp để SV có định hướng rõ ràng hơn về nghề ĐD. Ngoài ra, tổ chức các buổi tọa đàm, định hướng nghề nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm với các học sinh/ SV từ những năm THPT có thể là những kênh thông tin hữu ích giúp SV nâng cao định hướng và thái độ với nghề nghiệp.

7. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi dừng lại ở thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang do đó chỉ đưa ra được các yếu tố ảnh hưởng và chưa kết luận được nguyên nhân gây nên sự khác biệt giữa định hướng và thái độ của SV. Ngoài ra, do nghiên cứu thu thập trên sinh viên điều dưỡng năm thứ nhất vào thời điểm mới nhập học và tiến hành cắt ngang nên chưa theo dõi được sự ảnh hưởng của định hướng và thái độ đến kiến thức, kỹ năng thực hành cũng như kết quả học tập của SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Belete, A., T. Abota, and A. Henok, *Assessment of Attitudes towards Nursing Profession among Nurses and Non-Nursing Health Professionals Working in Mizan-Aman General Hospital, Southwest Ethiopia*. Journal of Nursing & Care, 2015. s1.
2. Poreddi, V., et al., *Assessing the attitudes and perceptions towards nursing profession among nursing students*. Nurs J India, 2012. 103(1): p. 6-8.
3. Vanhanen, L., M. Hentinen, and S. Janhonen, *Students' Orientations to Nursing*

- at the Beginning of Nursing Education. Vård i Norden, 1999. 19(3): p. 18-23.*
4. Toth, J.C., M.A. Dobratz, and M.S. Boni, *Attitude toward nursing of students earning a second degree and traditional baccalaureate students: are they different?* Nurs Outlook, 1998. 46(6): p. 273-8.
 5. Boogaard, T.C., et al., *The orientation and attitudes of intermediate vocational trained nursing students (MBO-V) towards their future profession: A pre-post survey.* Nurse Education in Practice, 2019. 37.
 6. Ten Hoeve, Y., et al., *Predicting factors of positive orientation and attitudes towards nursing: A quantitative cross-sectional study.* Nurse Educ Today, 2016. 40: p. 111-7.
 7. Larsen, P.D., J.S. McGill, and S.J. Palmer, *Factors influencing career decisions: perspectives of nursing students in three types of programs.* J Nurs Educ, 2003. 42(4): p. 168-73.
 8. Miers, M.E., C.E. Rickaby, and K.C. Pollard, *Career choices in health care: is nursing a special case? A content analysis of survey data.* Int J Nurs Stud, 2007. 44(7): p. 1196-209.
 9. Safadi, R.R., et al., *Nursing students' perceptions of nursing: a descriptive study of four cohorts.* Int Nurs Rev, 2011. 58(4): p. 420-7.
 10. Salamonson, Y., et al., *Nursing as first choice predicts nursing program completion.* Nurse Educ Today, 2014. 34(1): p. 127-31.

Abstract

FIRST YEAR NURSING STUDENTS' CAREER ORIENTATION AND ATTITUDES AT BACH MAI MEDICAL COLLEGE

Background: Having a right career orientation and attitudes is one of the key factors determining the success of training process to create nursing students have good skills and attitude after graduation.

Objectives: The aim was to assess nursing students' career orientation and attitudes and to explore the several associated factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted including 339 first-year students at Bach Mai Medical College and selected by systematic sampling. The questionnaire of Vanhanen (NOT) and Toth (NAQ) was used after testing Cronbach's alpha with index above 0,7. T-test, Anova-test were used to evaluate factors related to students' orientation and attitudes toward nursing.

Results: Nursing expertise was the most dominant orientation in this group of students ($4,23 \pm 0,45$), however, students agreed less with items related to their life orientation scale ($2,54 \pm 0,74$). In terms of attitudes, students agreed most with the items on the advocacy and empathy subscale ($4,24 \pm 0,53$). Caring experience and the reasons for choosing a school are factors related to both orientation and attitude towards nursing ($p < 0,05$).

Conclusions: The first year student's have a positive orientation and attitudes toward nursing. However, we need to pay more attention to the career approach before choosing a school.

Keywords: Orientation,; attitude; nursing students